

## PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

### CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

#### I. Giới thiệu:

##### I.1 Mô tả khái quát về dự án và gói thầu

**1. Tên dự án:** Dự án thành phần 2: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu, thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình.

**2. Tên gói thầu:** Gói thầu TV27: Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành.

**3. Chủ đầu tư:** Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị.

**4. Địa điểm:** Phường Đồng Hới và xã Quảng Ninh tỉnh Quảng Trị.

##### **5. Hình thức lựa chọn nhà thầu:**

- Hình thức tuyển chọn: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

**6. Nguồn vốn:** Ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

##### **7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính:**

- Nhóm dự án: Dự án nhóm A.
- Loại công trình: Công trình giao thông.
- Cấp công trình: Công trình cấp I.

**8. Mục tiêu dự án:** Đầu tư xây dựng công trình Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu nhằm từng bước hoàn thiện và xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng hiện đại; hoàn thiện mạng lưới đường bộ Thành phố Đồng Hới nói riêng và tỉnh Quảng Bình nói chung, tạo thêm điểm nhấn cảnh quan cho đô thị Đồng Hới để phát triển du lịch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng.

##### **9. Quy mô đầu tư xây dựng:**

**9.1. Phạm vi đầu tư:** Tổng chiều dài xây dựng  $L = 2,817$  km; trong đó chiều dài cầu  $L_{tc} = 561,4$  m, cụ thể:

• Điểm đầu tại Km0+00 lý trình dự án, giao với QL1 tại Km667+635, thuộc địa phận xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh.

• Điểm cuối tại Km2+817,4 lý trình dự án, giao với Đường ven biển (đường Võ Nguyên Giáp), thuộc địa phận xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới.

##### **9.2. Quy mô đầu tư:**

###### **a) Phần đường:**

- Cấp đường: Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp đô thị, loại đường chính đô thị, vận tốc thiết kế  $V_{tk} = 60$  km/h.

Quy mô mặt cắt ngang: Đoạn đường đầu cầu phía Tây (giao với QL1) bề rộng nền đường  $B_{mặt} = 23,5$  m gồm: Phần xe chạy  $4 \times 3,5 = 14,0$  m; dải an toàn  $4 \times 0,5 = 2,0$  m; dải phân cách giữa  $0,5$  m; vỉa hè và lan can  $2 \times 3,5 = 7,0$  m. Đoạn đường đầu cầu phía Đông từ mố M2 đến đường Nguyễn Thị Định, bề rộng nền đường  $54,5$  m gồm: Tuyến chính bề rộng nền đường  $23,5$  m gồm: Phần xe chạy  $4 \times 3,5 = 14,0$  m; dải an toàn  $4 \times 0,5 = 2,0$  m; dải phân cách giữa  $0,5$  m; vỉa hè và lan can  $2 \times 3,5 = 7,0$  m; Đường gom mỗi bên bề rộng nền đường  $15,5$  m gồm: Phần xe chạy  $2 \times 3,5 = 7,0$  m; dải an toàn phía

tường chắn 0,5m; dải trồng cây phía tường chắn 2,0m; vỉa hè 0,6m. Đoạn đường đầu cầu phía Đông từ nút giao Nguyễn Thị Định đến điểm cuối của Dự án (đoạn tiếp nối với Dự án đường ven biển), bề rộng nền đường  $B_{nền} = 40,0m$  gồm: Phần xe chạy  $4 \times 3,5m = 14,0m$ ; dải phân cách, dải an toàn  $2 \times 0,5m + 3,0m + 2 \times 0,5m = 5,0m$ ; lề đất  $2 \times 10,5m = 21,0m$  (bề rộng lề đất 10,5m, bao gồm: 6,0m lề đường theo quy hoạch; làm hỗn hợp 4,5m hiện chưa đầu tư mặt đường).

**b) Phần cầu:**

- Cầu xây dựng vĩnh cửu bằng thép và bê tông cốt thép DUL, kết cấu cầu chính dạng cầu vòm, kết cấu cầu dẫn dạng nhịp giản đơn.

- Chiều dài toàn cầu (giữa hai đầu mố)  $L_{cầu} = 561,4m$ .

- Mặt cắt ngang cầu:  $B_{cầu} = 23,5m$  (phần xe chạy  $4 \times 3,5m = 14,0m$ ; dải an toàn:  $4 \times 0,5m = 2m$ ; dải phân cách giữa 0,5m; lề đi bộ và lan can  $2 \times 3,5m = 7,0m$ ).

- Hoạt tải thiết kế HL-93, người 3KN/m<sup>2</sup>.

- Cấp động đất VII (thang MSK-64) theo tiêu chuẩn TCVN 9386:2012.

- Tần suất thiết kế  $P = 1\%$ .

- Sông thông thuyền cấp III: Tĩnh không thông thuyền  $B \times H \geq (50,7,0)m$ .

**c) Hệ thống nước:** Bố trí tại các vị trí phù hợp đảm bảo thoát nước lưu vực và thoát nước mặt đường.

**d) Nút giao:** Thiết kế nút giao thông cùng mức.

**e) Hệ thống an toàn giao thông:**

- Hệ thống an toàn giao thông đường bộ thiết kế theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

- Hệ thống an toàn giao thông đường thủy: Thiết kế theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy QCVN 39:2020/BGTVT.

**I.2. Thời hạn hoàn thành:** Tối đa không quá **90 ngày**.

**II. Phạm vi công việc:**

Mô tả khái quát phạm vi công việc: Chủ đầu tư mời nhà thầu có năng lực đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để tiến hành thực hiện công tác Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành Dự án thành phần 2: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu, thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình.

**II.1 Mục tiêu thực hiện tư vấn kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành:**

- Mục tiêu của tư vấn kiểm toán là tư vấn cho Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo tính đúng, tính đủ, hợp lý của chi phí đầu tư, đánh giá tính tuân thủ pháp luật trong quá trình quản lý đầu tư và kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án/hạng mục thuộc dự án hoàn thành nhằm đưa ra ý kiến để hoàn thiện Báo cáo số liệu đầu tư của Chủ đầu tư đảm bảo được lập trên cơ sở chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và quy định về quyết toán vốn đầu tư hiện hành, tuân thủ pháp luật và các quy định liên quan về quản lý đầu tư xây dựng, phản ánh trung thực hợp lý tình hình quyết toán dự án/hạng mục thuộc dự án tại thời điểm lập báo cáo.

- Ý kiến đánh giá của Đơn vị kiểm toán làm tăng thêm sự tin cậy của Báo cáo và các số liệu quyết toán dự án/ hạng mục thuộc dự án hoàn thành, là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án.

**II.1.2. Đối tượng và phạm vi áp dụng:** Dự án thành phần 2: Cầu Nhật Lệ 3 và

đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình.

### **II.1.3. Nội dung kiểm toán:**

- Nội dung kiểm toán được thực hiện trên cơ sở các quy định pháp luật, Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Chuẩn mực Kiểm toán số 1000 - Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành ban hành kèm theo Thông tư số 67/2015/TT-BTC ngày 08/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, đồng thời áp dụng đầy đủ các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hiện hành (VSA) liên quan và các quy định điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thực hiện của dự án.

- Phạm vi kiểm toán của gói thầu: Là toàn bộ giá trị đầu tư của dự án hoàn thành đề nghị quyết toán trừ giá trị khối lượng công việc Kiểm toán nhà nước đã thực hiện theo Báo cáo Kiểm toán gửi kèm theo Văn bản số 130/KTNN-TH ngày 14/8/2024.

### **II.1.4. Phương pháp kiểm toán:**

- Trong quá trình thực hiện kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án, kiểm toán viên, đơn vị kiểm toán phải áp dụng đầy đủ các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hiện hành (VSA) liên quan bao gồm nhưng không giới hạn chuẩn mực về hợp đồng kiểm toán; lập kế hoạch kiểm toán; đánh giá rủi ro; bằng chứng kiểm toán; lấy mẫu kiểm toán; sử dụng chuyên gia, hồ sơ kiểm toán và báo cáo kiểm toán.

## **II.2. TRÌNH TỰ VÀ CÁCH THỨC THỰC HIỆN KIỂM TOÁN:**

### **II.2.1. CHUẨN BỊ KIỂM TOÁN:**

#### **II.2.1.1. Khảo sát, thu thập thông tin về dự án đầu tư được kiểm toán:**

- Tên dự án đầu tư; mục đích đầu tư; quy mô công trình; địa điểm xây dựng; thời gian khởi công, hoàn thành dự án đầu tư theo kế hoạch và thực tế;

- Chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư (nếu có); cơ quan cấp trên của chủ đầu tư; cấp quyết định đầu tư; các đơn vị tư vấn; các đơn vị nhận thầu xây lắp và cung cấp thiết bị;

- Tổng mức đầu tư; nguồn vốn đầu tư được duyệt; dự toán xây dựng công trình; giá gói thầu, giá trúng thầu được duyệt;

- Hình thức hợp đồng; Hình thức lựa chọn nhà thầu;

- Báo cáo quyết toán: Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành; báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo hạng mục công trình, công trình hoàn thành;

- Vốn đầu tư thực hiện: bao gồm tổng số, chi phí xây lắp, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi phí khác; vốn đầu tư đã cấp, tình hình tạm ứng, thanh toán từ triển khai đến khi hoàn thành bàn giao; không bao gồm chi phí bồi thường hỗ trợ và tái định cư. Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư sẽ được phê duyệt quyết toán riêng (nếu có).

- Tình hình lập và lưu giữ hồ sơ của dự án trong quá trình thực hiện, lập và lưu giữ hồ sơ pháp lý của các gói thầu theo quy định (bao gồm hồ sơ quản lý chất lượng và hồ sơ hoàn công);

- Hệ thống văn bản pháp lý liên quan tới việc quản lý và thực hiện dự án;

- Các hồ sơ, tài liệu thông tin khác (nếu có).

#### **II.2.1.2. Đánh giá xác định trọng tâm và rủi ro kiểm toán:**

##### **a) Xác định trọng tâm kiểm toán:**

Căn cứ vào quy mô, tính chất, đặc điểm của dự án để xác định trọng tâm kiểm toán nhằm đảm bảo mục tiêu đánh giá dự án về: Thủ tục đầu tư; tiến độ; chất lượng; chi phí đầu tư.

Trọng tâm kiểm toán dự án đầu tư được xác định theo từng nội dung kiểm toán và lựa chọn trong các nội dung kiểm toán như:

- Việc tuân thủ quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt, sự cần thiết của dự án đầu tư;
- Việc tuân thủ trình tự thủ tục đầu tư;
- Chi phí xây lắp, thiết bị;
- Chi phí tư vấn, chi phí quản lý dự án và chi phí khác;
- Những vấn đề khác (nếu có).

**b) Đánh giá rủi ro kiểm toán:**

*\*) Rủi ro tiềm tàng:*

- Những khối lượng xây lắp của bộ phận, hạng mục công trình dễ xảy ra sai sót (khối lượng, hạng mục ngầm, bị che khuất,...).
- Các đơn giá phát sinh vào thời điểm “giao thời” hiệu lực thi hành của những thay đổi về chế độ, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng có liên quan đến dự án; các đơn giá đặc thù; việc sử dụng định mức không có trong công bố của Bộ Xây dựng.

- Giá cả và chất lượng các vật tư, vật liệu, thiết bị nhập khẩu.
- Sự tuân thủ quy hoạch của dự án.

*\*) Rủi ro kiểm soát:*

- Những nội dung liên quan đến thay đổi chính sách.
- Những nội dung phát sinh: Khối lượng công việc phát sinh do thay đổi thiết kế, do điều chỉnh bổ sung trong quá trình thực hiện, đơn giá và khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng.

- Vấn đề điều chỉnh giá và điều chỉnh hợp đồng; vấn đề trượt giá liên quan đến nhiều loại đồng tiền; vấn đề trượt giá do chậm tiến độ.

- Những tồn tại được chỉ ra từ những cuộc kiểm toán, thanh tra, kiểm tra (nếu có).
- Những vấn đề khác (nếu có).

*\*) Đánh giá mức độ rủi ro:*

Trên cơ sở kết quả phân tích, từ đó đưa ra đánh giá về rủi ro của mỗi vấn đề theo loại rủi ro (rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát) và mức độ rủi ro (cao, trung bình, thấp).

**II.2.2. THỰC HIỆN KIỂM TOÁN:**

Kiểm toán viên thực hiện kiểm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo các quy định của pháp luật về quyết toán dự án hoàn thành, trên cơ sở vận dụng các quy định và hướng dẫn của các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam có liên quan phù hợp với từng cuộc kiểm toán, bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Kiểm tra hồ sơ pháp lý;
- Kiểm tra nguồn vốn đầu tư;

- Kiểm tra chi phí đầu tư;
- Kiểm tra chi phí đầu tư thiệt hại không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư (nếu có);
- Kiểm tra giá trị tài sản hình thành qua đầu tư;
- Kiểm tra các khoản công nợ và vật tư, thiết bị tồn đọng;
- Kiểm tra việc chấp hành của Chủ đầu tư đối với ý kiến kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước (nếu có).
- Kiểm tra các nội dung khác theo quy định của việc Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

#### **II.2.2.1. Kiểm tra hồ sơ pháp lý:**

- Kiểm toán viên thực hiện kiểm tra nội dung, đối chiếu danh mục, trình tự thực hiện các văn bản pháp lý của dự án so với các quy định của pháp luật có liên quan nhằm đưa ra các ý kiến về:
  - Việc chấp hành trình tự, thủ tục đầu tư và xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng;
  - Việc chấp hành trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về lựa chọn nhà thầu;
  - Sự phù hợp của việc thương thảo và ký kết các hợp đồng giữa Chủ đầu tư với các nhà thầu so với các quy định của pháp luật về hợp đồng và quyết định trúng thầu của cấp có thẩm quyền.

#### **Cụ thể:**

- Các thủ tục kiểm toán về hồ sơ pháp lý của dự án phải được thiết kế và thực hiện dựa trên các quy định của Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực đầu tư:
  - Có hiệu lực trong thời gian thực hiện dự án;
  - Phù hợp với nội dung đầu tư (dự án đầu tư xây dựng; dự án đầu tư có cấu phần xây dựng);
  - Phù hợp với đối tượng áp dụng (dự án sử dụng vốn Nhà nước, vốn khác...).

#### **II.2.2.2. Kiểm tra nguồn vốn đầu tư:**

- Kiểm toán viên thực hiện kiểm tra và đưa ra ý kiến về tổng số và chi tiết nguồn vốn đầu tư đã thực hiện so với tổng mức đầu tư được duyệt theo từng nguồn vốn.
  - Kiểm tra tình hình thanh toán vốn đầu tư; tính đầy đủ của nguồn vốn đã đầu tư về các nội dung: hệ thống chứng từ, số liệu đối chiếu số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán do chủ đầu tư đã báo cáo với số xác nhận của cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán liên quan.
  - Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của các nguồn vốn đầu tư đã sử dụng.
  - Kiểm tra sự phù hợp trong việc sử dụng các loại nguồn vốn đầu tư so với cơ cấu xác định trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.

#### **Cụ thể:**

- Số liệu về nguồn vốn đã thực hiện được kiểm tra đối chiếu theo tổng số và chi tiết theo từng nguồn vốn, theo từng năm.
  - Nguồn vốn đầu tư được xác định thông qua kiểm tra đối chiếu số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán do chủ đầu tư báo cáo với số xác nhận của cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh

toán liên quan. Trường hợp không thu thập được bản đối chiếu thì kiểm toán viên phải thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế căn cứ vào chứng từ phát sinh.

### **II.2.2.3. Kiểm tra chi phí đầu tư:**

- Kiểm toán viên thực hiện kiểm tra và đưa ra ý kiến về:
  - + Tổng số chi phí đầu tư thực hiện;
  - + Chi tiết chi phí đầu tư thực hiện theo từng loại phù hợp với quy định và hướng dẫn về phân loại chi phí theo quy định của pháp luật về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trong từng thời gian phù hợp.
- Chi phí đầu tư thực hiện đề nghị quyết toán phải trong phạm vi dự án, thiết kế, dự toán, tổng mức đầu tư đã được phê duyệt, phù hợp với hợp đồng đã ký kết và các quy định của pháp luật có liên quan. Đối với chi phí đầu tư thực hiện đề nghị quyết toán ngoài phạm vi dự án, thiết kế, dự toán, tổng mức đầu tư được duyệt thì phải ghi rõ, như nội dung, nguyên nhân, tổng giá trị phát sinh trong báo cáo kiểm toán.
- Giá trị quyết toán các hợp đồng phải được xác định phù hợp với từng hình thức giá hợp đồng và các điều khoản cụ thể của hợp đồng, phù hợp với hồ sơ quản lý chất lượng của hợp đồng hoặc hạng mục công trình đó.
- Trường hợp có sự nghi ngờ về tính xác thực của thông tin thể hiện trên hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành, kiểm toán viên sẽ thực hiện kiểm tra hiện trường, đo đạc hiện trạng... nhằm cung cấp bổ sung các bằng chứng về tính hiện hữu của dự án hoặc tính chính xác của thông tin thể hiện trên hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành.

#### **Cụ thể:**

- Khi kiểm tra chi phí đầu tư do chủ đầu tư tự thực hiện, cần lưu ý kiểm tra:
  - Điều kiện, năng lực của chủ đầu tư khi thực hiện công việc;
  - Chi phí đầu tư thực hiện đề nghị quyết toán phải trong tổng mức đầu tư được duyệt, phù hợp với định mức, đơn giá của Nhà nước hoặc phù hợp với nguyên tắc lập định mức, đơn giá theo quy định của Nhà nước.
- Khi kiểm tra chi phí đầu tư do các nhà thầu thực hiện theo hợp đồng, kiểm toán viên kiểm tra giá trị quyết toán các hợp đồng tùy thuộc vào từng hình thức giá hợp đồng và các điều khoản cụ thể của hợp đồng để đưa ra các thủ tục kiểm toán phù hợp. Thủ tục kiểm toán chi phí đầu tư đối với từng hình thức giá hợp đồng được thiết kế phù hợp với:
  - Tính chất, phương pháp xác định, hồ sơ thanh toán của từng hình thức giá hợp đồng theo quy định của Nhà nước từng thời kỳ;
  - Nội dung kiểm tra chi phí theo quy định về quyết toán dự án hoàn thành của Nhà nước từng thời kỳ;
  - Quy trình kiểm tra theo hướng dẫn của doanh nghiệp kiểm toán hoặc hướng dẫn của Tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán.

#### **Nội dung kiểm toán chi phí đầu tư cụ thể như sau:**

- ***Kiểm toán chi phí xây dựng:***
  - + Tiến hành kiểm toán trên cơ sở hồ sơ, bản vẽ thiết kế, hồ sơ quản lý chất lượng, bản vẽ hoàn công và các tài liệu có liên quan.
  - + Kiểm tra việc tính khối lượng và việc lập đơn giá xây lắp trong thanh toán, quyết toán: Căn cứ thiết kế, bản vẽ hoàn công, biên bản nghiệm thu kỹ thuật, nhật ký thi công, các

kết quả kiểm tra hiện trường (nếu có) tính toán lại khối lượng so với số liệu trong thanh toán, quyết toán; kiểm tra đơn giá xây lắp trong thanh toán, quyết toán giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành theo từng trường hợp cụ thể, phụ thuộc vào hình thức hợp đồng giao nhận thầu; tính hợp pháp của các trường hợp có sự thay đổi thiết kế và chủng loại vật liệu trong quá trình thi công làm thay đổi giá quyết toán so với giá trúng thầu; việc áp dụng các phụ phí xây lắp theo chế độ quy định cho từng thời kỳ như chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế GTGT; đối với chi phí đầu tư phát sinh, trượt giá thực hiện kiểm toán theo các điều kiện nêu trong hợp đồng và các tài liệu khác có liên quan.

**- Kiểm toán chi phí thiết bị:**

+ Kiểm tra trên hồ sơ, chứng từ và các tài liệu có liên quan: Danh mục, chủng loại, tiêu chuẩn kỹ thuật, xuất xứ của thiết bị công nghệ, phụ tùng kèm theo và các trang bị khác với hợp đồng và yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

+ Kiểm tra giá trị của thiết bị: Xem xét hồ sơ đấu thầu mua sắm thiết bị, hợp đồng mua bán, chứng từ gốc hoặc bản sao có chứng thực của thiết bị đã mua trong nước hoặc nhập khẩu; việc áp dụng tỷ giá quy đổi (đối với thiết bị mua bằng ngoại tệ) so với quy định;

+ Chi phí vận chuyển, bảo quản, bảo dưỡng, gia công thiết bị như: Chi phí vận chuyển, bốc xếp theo giá cước quy định, chi phí bảo quản, bảo dưỡng gia công thiết bị theo dự toán được duyệt, hợp đồng, nghiệm thu, ...

**- Kiểm toán chi phí quản lý dự án:**

Căn cứ vào chứng từ, hoá đơn và các tài liệu có liên quan kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của toàn bộ các khoản chi phí quản lý dự án; đối chiếu các nội dung chi với dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chi phí thực tế so với tỷ lệ, định mức quy định; việc mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản.

**- Kiểm toán chi phí tư vấn đầu tư và chi phí khác:**

+ Kiểm toán nhóm chi phí theo định mức: Căn cứ vào việc áp dụng định mức, tỷ lệ quy định; điều kiện cam kết của hợp đồng để thực hiện kiểm tra.

+ Kiểm toán nhóm chi phí tính trực tiếp theo dự toán được duyệt: Kiểm tra việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán; việc quyết toán đối với các chi phí.

**II.2.2.4. Kiểm tra chi phí đầu tư thiệt hại không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:**

Kiểm tra nội dung, căn cứ xác định và giá trị chi phí đầu tư đề nghị không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư đối với các khoản:

- Chi phí đầu tư thiệt hại do thiên tai, địch họa và các nguyên nhân bất khả kháng khác không thuộc phạm vi bảo hiểm;

- Chi phí đầu tư cho khối lượng công việc được hủy bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

**Cụ thể:**

- Chi phí đầu tư thiệt hại do thiên tai, địch họa và các nguyên nhân bất khả kháng khác không thuộc phạm vi bảo hiểm: Kiểm tra nguyên nhân và giá trị thiệt hại theo các biên bản tính toán, xác nhận; kiểm tra biên bản và chứng từ bồi thường của công ty bảo hiểm để tính ra phần thiệt hại không thuộc phạm vi bảo hiểm.

- Chi phí đầu tư cho khối lượng công việc được hủy bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Kiểm tra nội dung, căn cứ của việc hủy bỏ, giá trị thiệt hại thực tế của việc hủy bỏ các khối lượng đã thực hiện.

#### **II.2.2.5. Kiểm tra giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:**

Kiểm tra giá trị tài sản hình thành qua đầu tư theo nhóm, loại tài sản (tài sản dài hạn, tài sản ngắn hạn) theo chi phí thực tế, bao gồm các nội dung: Danh mục tài sản, số lượng, nguyên giá (đơn giá), tổng nguyên giá (tổng giá trị).

##### **Cụ thể:**

- Tài sản hình thành qua đầu tư có thể được phân thành các loại:
  - + Tài sản dài hạn (tài sản cố định hữu hình và vô hình) phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận theo quy định của Nhà nước trong thời kỳ phù hợp;
  - + Tài sản ngắn hạn, bao gồm cả vật tư, thiết bị dự phòng, các chi phí chờ phân bổ.
- Kiểm tra giá trị tài sản theo chi phí thực tế:
- Kiểm tra việc tổng hợp chi phí thực tế liên quan đến từng tài sản;
- Kiểm tra việc phân bổ các chi phí chung cho từng tài sản cố định theo nguyên tắc chi phí trực tiếp liên quan đến tài sản cố định nào thì tính cho tài sản cố định đó; chi phí chung liên quan đến nhiều tài sản cố định thì phân bổ theo tỷ lệ chi phí trực tiếp của từng tài sản cố định so với tổng số chi phí trực tiếp của toàn bộ tài sản cố định hoặc theo quy định của Nhà nước trong thời kỳ phù hợp.

#### **II.2.2.6. Kiểm tra các khoản công nợ và vật tư, thiết bị tồn đọng:**

- Kiểm tra, xác định nợ phải thu, nợ phải trả đối với từng tổ chức, cá nhân có liên quan trên cơ sở tổng số tiền phải thanh toán, đã thanh toán và còn phải thanh toán cho từng tổ chức, cá nhân theo từng hợp đồng, hạng mục, khoản mục chi phí.
- Kiểm tra, xác định số lượng, giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng sau đầu tư căn cứ vào sổ thực tế mua sắm, tiếp nhận và sử dụng vật tư, thiết bị của dự án
- Kiểm tra, xác định số lượng, giá trị còn lại của tài sản dành cho hoạt động quản lý dự án tính đến ngày lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trên cơ sở số lượng, giá trị và thời gian đã sử dụng tài sản hoặc trên cơ sở biên bản kiểm kê, đánh giá tài sản dành cho hoạt động quản lý dự án.

- Trường hợp có các khoản nợ phải thu, phải trả bằng ngoại tệ, phải đánh giá lại các khoản nợ này tại ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo tỷ giá quy định.

#### **II.2.2.7. Kiểm tra việc chấp hành của Chủ đầu tư đối với ý kiến kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước (nếu có):**

- Kiểm toán viên thu thập các văn bản kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước (nếu có) có liên quan đến quá trình thực hiện dự án, báo cáo của Chủ đầu tư về việc chấp hành các ý kiến kết luận này cho đến ngày lập báo cáo kiểm toán.
- Kiểm toán viên nhận xét về việc chấp hành của Chủ đầu tư đối với ý kiến kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước (nếu có) có liên quan đến việc tuân thủ trình tự, thủ tục đầu tư và giá trị quyết toán dự án.

#### **II.2.3. KẾT THÚC KIỂM TOÁN:**

Kiểm toán viên phải thực hiện các thủ tục sau:

- Phân tích, soát xét tổng thể kết quả cuộc kiểm toán;

- Lập và phát hành báo cáo kiểm toán;

### **II.2.3.1. Phân tích, soát xét tổng thể kết quả cuộc kiểm toán:**

- Phân tích kết quả được thực hiện trong suốt quá trình kiểm toán và xem xét tổng thể kết quả cuộc kiểm toán trước khi đưa ra kết luận kiểm toán.

- Phân tích, soát xét tổng thể kết quả cuộc kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về việc tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư trong quá trình thực hiện dự án và tính trung thực và hợp lý của báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

- Khi phân tích, soát xét tổng thể kết quả cuộc kiểm toán phát hiện những chênh lệch trọng yếu hoặc mối liên hệ mâu thuẫn thì kiểm toán viên phải thực hiện các thủ tục kiểm tra bổ sung để thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp cho kết luận kiểm toán.

### **II.2.3.2. Soát xét tổng thể kết quả kiểm toán:**

- Kiểm toán viên soát xét và đánh giá tổng thể những kết luận rút ra từ các bằng chứng kiểm toán thu thập được và sử dụng các kết luận này để đưa ra ý kiến kiểm toán về việc tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư trong quá trình thực hiện dự án và tính trung thực, hợp lý của báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

- Ý kiến của kiểm toán viên phải xác định, xét trên các khía cạnh trọng yếu, liệu quá trình thực hiện dự án có tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư và báo cáo quyết toán của dự án có phản ánh trung thực và hợp lý tình hình quyết toán dự án tại thời điểm lập báo cáo, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo quyết toán dự án hoàn thành hay không.

### **II.2.3.3. Lập báo cáo kiểm toán và thư quản lý:**

- Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán phải vận dụng phù hợp các quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700- Hình thành ý kiến kiểm toán và báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 705- Ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 706- Đoạn “Vấn đề cần nhấn mạnh” và “Vấn đề khác” trong báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính trong việc lập báo cáo kiểm toán về báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

- Kiểm toán viên phải trao đổi bằng văn bản một cách kịp thời (dưới hình thức thư đề nghị, thư quản lý) với Chủ đầu tư về những khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ được phát hiện trong quá trình kiểm toán. Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán phải vận dụng phù hợp các quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 265- Trao đổi về những khiếm khuyết trong kiểm soát nội bộ với Ban quản trị và Ban Giám đốc đơn vị được kiểm toán trong việc trao đổi với Chủ đầu tư về những khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ.

- Báo cáo kiểm toán được lập bằng văn bản, gồm các nội dung chính:

- + Tên và địa chỉ doanh nghiệp kiểm toán;

- + Số hiệu và tiêu đề báo cáo kiểm toán;

- + Báo cáo kiểm toán, nêu rõ:

- ✓ Đối tượng của cuộc kiểm toán;

- ✓ Tên đơn vị lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành;

- ✓ Ngày lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đã được kiểm toán;

- ✓ Trách nhiệm của Ban Giám đốc đơn vị được kiểm toán;

- ✓ Trách nhiệm của kiểm toán viên;
- + Căn cứ và phạm vi của cuộc kiểm toán;
- + Căn cứ pháp lý và hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành;
- + Phạm vi của cuộc kiểm toán gồm: Nội dung công việc và thủ tục kiểm toán mà kiểm toán viên đã thực hiện;
- + Kết quả kiểm toán;
- ✓ Khái quát chung về dự án.
- ✓ Kết quả kiểm tra theo từng nội dung kiểm toán.
- ✓ Ý kiến của kiểm toán viên;
- ✓ Các kiến nghị (nếu có) của kiểm toán viên đối với đơn vị được kiểm toán (chủ đầu tư) và các bên liên quan đến việc quyết toán dự án hoàn thành;
- ✓ Chữ ký, họ và tên của kiểm toán viên và đóng dấu;
- ✓ Ngày lập báo cáo kiểm toán;

### **II.3. Kết quả và tiến độ thực hiện:**

- Tổng thời gian thực hiện kiểm toán dự kiến là: 90 ngày (kể từ khi nhận được báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành).
- Báo cáo kết quả kiểm toán: nộp 03 bộ.

**III. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:** Theo yêu cầu mục 2 Chương III E-HSMT.

### **IV. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:**

- Hỗ trợ những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Cử cán bộ phối hợp với nhà thầu khi nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của nhà thầu để nhà thầu thực hiện công việc tư vấn. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

### **V. Lưu ý:**

- Khi tham dự thầu nhà thầu xem xét dựa trên các văn bản, thông báo thực hiện giải pháp tiết kiệm khi chỉ định thầu, đấu thầu (đính kèm theo E-HSMT) để nghiên cứu xác định giá dự thầu cho phù hợp, cụ thể:

+ Văn bản số 9886/VPCP- KTTH ngày 13/10/2025 của Văn phòng chính phủ về việc ủy quyền báo cáo UBTVQH về tình hình thực hiện kế hoạch ĐTC năm 2025 và dự kiến kế hoạch ĐTC năm 2026.

+ Văn bản số 2230/STC-ĐT ngày 30/3/2026 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị về việc thực hiện giải pháp tiết kiệm khi chỉ định thầu, đấu thầu dự án.

Khuyến khích nhà thầu áp dụng các giải pháp công nghệ, sáng kiến cải tiến để tối ưu hóa các chi phí khi chào thầu hoặc tự nguyện giảm giá. Việc đề xuất giải pháp tối ưu chi phí và giảm giá (nếu có) phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với yêu cầu của hồ sơ mời thầu, không làm ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ thực hiện gói thầu và tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) trong giá dự thầu. Nhà thầu khi tham gia dự thầu phải chào giá dự

thầu với thuế giá trị gia tăng là 10% theo đúng cơ cấu của giá gói thầu được duyệt. Khi thực hiện và thanh, quyết toán khối lượng của gói thầu thì thuế giá trị gia tăng điều chỉnh theo quy định hiện hành của pháp luật.